ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2019/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐẾN Số: 281
Ngày: 29/01/19
Chuyển: BLĐ, KHCS

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học và công nghệ";

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1129/TTr-SKHCN ngày 05 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..01..tháng..02..năm..2019..và thay thế Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi Nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ KHCN (Vụ Pháp chế);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng; TT.TH-CB;
- Lưu: VT(Nga.QĐ57).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng là các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 2. Những quy định chung

1. Thủ trưởng cơ sở là thủ trưởng các các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức khác có liên quan đến quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ là đơn vị được phân công theo dõi về khoa học và công nghệ (ở huyện, thị xã, thành phố là phòng kinh tế/kinh tế - hạ tầng; các sở, ban, ngành do thủ trưởng đơn vị phân công theo Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị).

3. Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

4. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải có chuyên môn phù hợp và có trình độ tốt nghiệp từ Đại học trở lên, có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực đó.

5. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

6. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều nhiệm vụ. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có quyền đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong trường hợp chủ nhiệm nhiệm vụ thôi việc, nghỉ hưu tại tổ chức chủ trì hoặc điều động đến công tác tại đơn vị khác.

7. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thời gian thực hiện không quá 24 tháng *(kể từ khi nhiệm vụ được cấp quản lý có thẩm quyền phê duyệt và ký Hợp đồng triển khai thực hiện)*. Đối với dự án trồng các loại cây lâu năm, trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu kết hợp với chế biến và một số trường hợp đặc biệt khác, thời gian thực hiện có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 36 tháng.

8. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần nhưng không quá ½ (một nửa) tổng thời gian thực hiện các nhiệm vụ theo Hợp đồng đã được ký kết và không làm phát sinh thêm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp đặc biệt, việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Yêu cầu chung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Nội dung phải phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh, ngành và địa phương; có kế hoạch và nguồn lực khả thi để triển khai thực hiện.

2. Có tính mới, không trùng lắp với các nhiệm vụ khác đang thực hiện bằng ngân sách nhà nước trên địa bàn. Giải quyết những yêu cầu bức xúc của địa phương, của ngành do thực tiễn đặt ra và có khả năng nhân rộng.

Chương II
XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 4. Xác định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng cơ sở thông báo cho các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gửi về đơn vị hoặc về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đơn vị thường trực theo dõi về lĩnh vực khoa học và công nghệ của cơ sở chịu trách nhiệm tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 3; tham mưu Thủ trưởng cơ sở thành lập và tổ chức họp Hội đồng khoa học và công nghệ ngành, huyện để tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Tài liệu của phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ gồm:

a) Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước *(Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN)*.

b) Các biểu mẫu theo quy định phục vụ cho cuộc họp Hội đồng: Mẫu A2-PĐGĐX, A3-BBKP, A4-BBHĐ, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

c) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

Điều 5. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ ngành, huyện

1. Thủ trưởng cơ sở quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công

nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) của đơn vị và ban hành Quy chế hoạt động. Hội đồng gồm các thành viên: Chủ tịch (là lãnh đạo phụ trách theo dõi về hoạt động khoa học và công nghệ), phó chủ tịch (là lãnh đạo đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ), thư ký khoa học (là chuyên viên đơn vị theo dõi về khoa học và công nghệ) và các thành viên (tùy theo điều kiện từng đơn vị, lãnh đạo của đơn vị quyết định số lượng thành viên của Hội đồng).

2. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đề xuất đặt hàng về: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, phương thức thực hiện (giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì), yêu cầu sản phẩm, tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ.

3. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch Hội đồng và thư ký khoa học. Đại diện của tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

b) Các thành viên Hội đồng thảo luận từng nhiệm vụ được đề xuất đặt hàng về các tiêu chí sau: tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng, khả năng nhân rộng và khả năng huy động nguồn lực để triển khai thực hiện.

c) Hội đồng xem xét, bỏ phiếu đánh giá sự cần thiết thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu đề nghị thực hiện. Biên bản họp Hội đồng bao gồm thông tin chính của các nhiệm vụ được đề xuất thực hiện: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện *(giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, nếu giao trực tiếp thì nêu rõ tổ chức chủ trì)*, tổ chức ứng dụng kết quả cho từng nhiệm vụ.

Điều 6. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng tư vấn, Thủ trưởng cơ sở hoàn thiện đề xuất đặt hàng, xác định nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Thủ trưởng cơ sở phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng kinh phí tự cân đối của đơn vị và tổng hợp các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đề nghị hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ; hồ sơ gồm:

a) Công văn của thủ trưởng cơ sở đề nghị hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

b) Phiếu đề xuất và thuyết minh đề cương của từng nhiệm vụ: Mẫu A1-ĐXNV, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Mẫu B2-TMDTCN, B4-TMDA, B3-TMDTXH, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước *(Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN)*.

c) Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở : Mẫu A4-BBHĐ, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

2. Trên cơ sở tiếp nhận các đề xuất đặt hàng của các sở, ban, ngành, và các đơn vị; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; đảm bảo việc xem xét, lựa chọn các đề xuất đúng quy định, đúng yêu cầu.

3. Thành phần, nhiệm vụ, phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn xác định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

4. Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp Danh mục nhiệm vụ khoa học và công *nghệ (tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, dự kiến thời gian thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp)* xem xét trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến của 02 chuyên gia độc lập trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Đối với những đề xuất đặt hàng đột xuất để giải quyết những vấn đề mới phát sinh nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của cơ sở, hoặc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao trực tiếp: Trong trường hợp này, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì, đề cương nghiên cứu, sản phẩm dự kiến và dự toán kinh phí thực hiện)* về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

7. Sau khi Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt; Thủ trưởng cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai Danh mục này đến các đơn vị thực hiện và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Chương III
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 7. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở: Mẫu B1-ĐĐK, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu B2-TMDTCN, B3-TMDTXH, B4-TMDA, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Lý lịch khoa học của các cá nhân chính tham gia thực hiện: Mẫu B5-LLCN, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

4. Tóm tắt hoạt động khoa học của đơn vị đăng ký chủ trì: Mẫu B6-LLTC, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý tham gia thực hiện của tổ chức phối hợp (nếu có): Mẫu B6-PHNC, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện gửi đến địa chỉ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông báo của sở, ngành, địa phương có nhiệm vụ thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 8. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối những nhiệm vụ hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; Thủ trưởng cơ sở ra quyết định đối với những nhiệm vụ tự cân đối kinh phí thực hiện.

Hội đồng có ít nhất 7 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 2 ủy viên phản biện, thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng trong đó: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo phụ trách khoa học và công nghệ, Thư ký khoa học là lãnh đạo đơn vị thường trực theo giõi, quản lý về khoa học và công nghệ, 01 ủy viên là lãnh đạo đơn vị phụ trách kế hoạch - tài chính, 02 phản biện và các thành viên khác là các nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn, đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng... Hội đồng có nhiệm vụ xem xét các hồ sơ hợp lệ về nội dung chuyên môn và dự toán kinh phí để tư vấn lựa chọn cơ quan chủ trì (với nhiệm vụ tuyển chọn) và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

2. Ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng, đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các thành viên Hội đồng. Mỗi thành viên viết Phiếu nhận xét, đánh giá theo mẫu *(Mẫu B9-NXĐTCN, B10-NXĐTXH, B11-NXDA, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN)*, phù hợp theo từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi về đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ ít nhất 1 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Hội đồng chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng và 02 ủy viên phản biện. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện cơ quan quản lý và các đơn vị liên quan dự phiên họp của Hội đồng.

4. Phiên họp Hội đồng:

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, biên bản mở hồ sơ theo mẫu: Mẫu B8-BBHS, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN (trong trường hợp tuyển chọn), giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự trong cuộc họp.

b) Chủ tịch Hội đồng điều hành cuộc họp.

c) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trả lời các câu hỏi của Hội đồng.

d) Đại diện cơ quan dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có) phát biểu ý kiến về sự cần thiết và những yêu cầu về kết quả nghiên cứu.

đ) Các thành viên phản biện, các thành viên khác và Chủ tịch Hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ hoặc so sánh các hồ sơ đăng ký tuyển chọn cùng một nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp tuyển chọn).

e) Chủ tịch Hội đồng điều hành thảo luận; Hội đồng thảo luận, phản biện các ý kiến nhận xét giữa các thành viên Hội đồng (nếu có) trước khi cho điểm độc lập vào phiếu đánh giá theo mẫu: B12-ĐGĐTCN, B13-ĐGĐTXH, B14-ĐGDA, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, phù hợp theo từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ và bỏ phiếu.

g) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm ba thành viên (trưởng ban kiểm phiếu là thư ký khoa học, một thành viên Hội đồng và một thành viên là thư ký hành chính), giúp Hội đồng tổng hợp kết quả theo mẫu: Mẫu B15-BBKP, B16-THKP thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN; đối với hồ sơ tuyển chọn, kết quả được tổng hợp theo tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp.

h) Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm, đánh giá và thông qua biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu: Mẫu B17-BBHĐ, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN. Kiến nghị danh sách các tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất của các tiêu chí và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đối với các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì hồ sơ có điểm cao hơn của Chủ tịch hội đồng được ưu tiên xếp hạng.

i) Đối với các hồ sơ được đề nghị thực hiện, Hội đồng kết luận về các thông tin cơ bản: Tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Mục tiêu, nội dung và sản phẩm khoa học và công nghệ chính của nhiệm vụ với các yêu cầu khoa học, chất lượng tương ứng cần phải đạt (nếu có); Nhu cầu nhân lực, nguyên vật liệu chủ yếu, năng lượng, máy móc thiết bị, thời gian thực hiện; Phương thức khoán chi (khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần); Các điểm cần chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh nhiệm vụ.

5. Các trường hợp nhiệm vụ được giao trực tiếp mà tổ chức chủ trì không đủ

năng lực thực hiện hoặc thuyết minh nhiệm vụ không chứng minh được tính cần thiết, tính khả thi, khả năng ứng dụng, và trường hợp đã tổ chức tuyển chọn nhưng không có hồ sơ nào được chọn, tiếp tục thông báo tuyển chọn lần 2 nhưng vẫn không có hồ sơ được chọn. Đối với những trường hợp này, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh cho dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; Thủ trưởng cơ sở cho dừng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tự cân đối kinh phí.

6. Tổ chức, cá nhân được chọn chủ trì nhiệm vụ cấp cơ sở có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh theo kết luận của Hội đồng và gửi đến:

a) Thủ trưởng cơ sở đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ do thủ trưởng cơ sở phê duyệt danh mục để phê duyệt nội dung thuyết minh và thẩm định kinh phí.

b) Sở Khoa học và Công nghệ đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh để phê duyệt nội dung thuyết minh và tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 9. Kinh phí và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hàng năm, trên cơ sở kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ cân đối kinh phí để hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, đồng thời thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh theo quy định hiện hành. Thủ trưởng cơ sở căn cứ thẩm quyền được giao chủ động huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cân đối các nguồn kinh phí của đơn vị để hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ sở để lập dự toán, thẩm định và phê duyệt kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được căn cứ vào Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các văn bản quy định còn hiệu lực áp dụng hiện hành liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Tổ Thẩm định kinh phí để thẩm định kinh phí đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ tỉnh. Thủ trưởng cơ sở ra quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí để thẩm định kinh phí đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ tự cân đối kinh phí. Tổ trưởng tổ thẩm định kinh phí là lãnh đạo phụ trách khoa học và công nghệ, thành viên tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo đơn vị phụ trách kế hoạch - tài chính, đại diện lãnh đạo đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ và các thành viên khác có liên quan.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự, nội dung làm việc của Tổ Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

5. Tổ Thẩm định kinh phí căn cứ nội dung thuyết minh đã hoàn chỉnh theo kết

luận của Hội đồng xét duyệt hồ sơ, tiến hành thẩm định dự toán kinh phí cần thiết để thực hiện nội dung thuyết minh theo quy định.

6. Kinh phí làm việc của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hoạt động các Hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, chi trả thù lao và công tác phí của các thành viên Hội đồng, tổ thẩm định kinh phí sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ thẩm định kinh phí do tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chi trả.

Điều 10. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Căn cứ kết quả thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Tổ Thẩm định, cá nhân, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ gửi về đơn vị thường trực theo dõi khoa học và công nghệ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ sở phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện và ký hợp đồng khoa học và công nghệ để triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ đơn vị tự cân đối kinh phí.

3. Sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với Thủ trưởng cơ sở và đơn vị chủ trì hoặc chủ nhiệm nhiệm vụ để triển khai thực hiện đối với những nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

4. Nội dung, biểu mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hợp đồng là cơ sở để theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện theo định kỳ và đánh giá nghiệm thu khi kết thúc nhiệm vụ.

Chương IV
TRIỂN KHAI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 11. Triển khai, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt và hợp đồng đã ký.

b) Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, cá nhân chủ trì thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng tới nội dung, mục tiêu, kết quả và tiến độ nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ sở quyết định điều chỉnh các nội dung trong Quyết định phê duyệt cho phù hợp hoặc dừng thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với nhiệm vụ có hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, trước khi quyết định điều chỉnh các nội dung đã phê duyệt hoặc dừng thực hiện nhiệm vụ; tổ chức, cá nhân chủ trì phải báo cáo và có ý kiến của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong trường hợp nếu có căn cứ để khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết hoặc không có khả năng hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt; Tổ chức chủ trì sử dụng kinh phí được cấp không đúng mục đích thì Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ hoặc cho dừng thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, đơn vị và cá nhân chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bị đình chỉ hoặc dừng thực hiện có trách nhiệm hoàn trả ngân sách số tiền đã thực hiện.

2. Chế độ báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ

a) Thủ trưởng cơ sở thực hiện quản lý, theo dõi, kiểm tra và yêu cầu tổ chức, cá nhân chủ trì báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, ngoài thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này còn thực hiện một số quy định sau:

Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở.

Điều 12. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở bao gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì theo mẫu: Mẫu C1-CV, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ *(Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN)*.

b) Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo mẫu: Mẫu C2-BCTĐG, C3- BCHT, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

c) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

d) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

f) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

g) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

h) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ gồm: 01 hồ sơ gốc và 01 bản điện tử lưu trữ đầy đủ sản phẩm và các báo cáo chuyên đề của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

3. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chỉ đánh giá 01 lần do Thủ trưởng cơ sở tổ chức đối với những nhiệm vụ tự cân đối kinh phí và Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đối với những nhiệm vụ hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể ủy quyền cho Thủ trưởng cơ sở tổ chức nghiệm thu cụ thể một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; Thủ trưởng cơ sở thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ tự cân đối kinh phí. Thành phần Hội đồng tương tự như Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ về tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lôgíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...); đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng (số lượng, khối lượng, chất lượng, chủng loại, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm...).

5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đề nghị đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ tổ chức để Hội đồng hoặc một số thành viên Hội đồng đi kiểm tra, đánh giá kết quả thực tế. Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp, thời gian hoàn thành nghiệm thu không quá 30 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 13. Xử lý kết quả nghiệm thu cấp cơ sở

1. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức đánh giá xếp loại "Đạt" trở lên, có quyết định phê duyệt quyết toán và giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu: Mẫu C4-QĐCN, thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đánh giá loại "Không đạt", đơn vị thường trực theo dõi về khoa học và công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước và trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định hiện hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh căn cứ Quy định này để quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Hàng quý, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo Phụ lục các Biểu mẫu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trăm

Phụ lục

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. A1-ĐXNV: Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. A2-PĐGĐX: Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. A3-BBKP: Kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

4. A4-BBHĐ: Biên bản họp Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. B1-ĐĐK: Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

6. B2-TMDTCN: Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

7. B3-TMDTXH: Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. B4-TMDA: Thuyết minh dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

9. B5-LLCN: Lý lịch cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

10. B6-LLTC: Lý lịch hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

11. B7-PHNC: Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

12. B8-BBHS: Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

13. B9-NXĐTCN: Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

14. B10-NXĐTXH: Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

15. B11-NXDA: Phiếu nhận xét hồ sơ dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

16. B12-ĐGĐTCN: Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

17. B13-ĐGĐTXH: Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

18. B14-ĐGDA: Phiếu đánh giá hồ sơ dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

19. B15-BBKP: Biên bản kiểm phiếu đánh hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

20. B16-THKP: Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

21. B17-BBHĐ: Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

22. C1-CV: Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

23. C2-BCTĐG: Báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa ọc

và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

24. C3- BCHT: Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

25. C4-QĐCN: Quyết định về việc công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Mẫu A1-ĐXNV

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

2. Hình thức thực hiện *(Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án KH&CN)*:

3. Mục tiêu:

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN *(Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...)*:

5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:

6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

7. Dự kiến hiệu quả mang lại:

8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ..)

9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án KHCN):

9.1. Xuất xứ hình thành:

(Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan...)

9.2. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp cơ sở sx v.v...)*

..., ngày ... tháng ... năm 20...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

Mẫu A2-PĐGĐX

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày.... tháng.... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên đề tài/dự án đề xuất:

Đánh giá của chuyên gia/thành viên: (đánh dấu **X** vào 1 trong 2 ô)

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/dự án

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

2. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

3. Khả năng không trùng lắp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án)

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Hoặc không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung:

☐ Đề nghị thực hiện ☐ Đề nghị không thực hiện

CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu A3-BBKP

TÊN.....
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng.... năm 20...

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Loại hình nhiệm vụ KH&CN: .....

Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: .....

Số TT	Tên đề xuất đặt hàng	Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng											
		Nội dung 1		Nội dung 2		Nội dung 3		Nội dung 4		Nội dung 5		Kết luận chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Thực hiện	Không thực hiện
1													
2													
3													
...	.....												

Các thành viên Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A4-BBHĐ

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

...., ngày .... tháng .... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ NĂM 20...

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Loại nhiệm vụ KH&CN: *(Đề tài, dự án KH&CN):*

.....

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành...

.....

2. Số lượng các đề xuất đặt hàng tư vấn: .....

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

...., ngày.../.../20...

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...
- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
.....	.....	.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng (*)

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà ..... làm thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm:

....., Trưởng ban.

....., thành viên,

....., thành viên.

4. Các thành viên phản biện trình bày ý kiến đánh giá đề xuất đặt hàng do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp.

5. Hội đồng phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với (từng) đề xuất đặt hàng theo các nội dung quy định.

6. Thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung trên. Tổng hợp kết quả đánh giá hội đồng trong Biên bản kiểm phiếu Mẫu A3-BBKP kèm theo.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu hội đồng thông qua kết luận trong Phụ lục 1 kèm theo.

7. Các chuyên gia phản biện trình bày nội dung dự kiến của đề tài, dự án đặt hàng cho những đề xuất đặt hàng được đánh giá "đề nghị thực hiện".

8. Hội đồng thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của đề tài, dự án đặt hàng theo các yêu cầu đã được quy định.

9. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với đề tài, dự án (đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ).

10. Hội đồng thảo luận việc xếp thứ tự ưu tiên đối (trong trường hợp có 02 đề tài, dự án trở lên) và biểu quyết đối với việc xếp thứ tự ưu tiên này. Kết quả làm việc của hội đồng thể hiện tại Phụ lục 2 kèm theo.

11. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký khoa học của Hội đồng	**Chủ tịch Hội đồng**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

**) Chỉ để lại những nội dung thích hợp từ nội dung 5 đến nội dung 10 Phần B*

Phụ lục 1 Mẫu A4-BBHĐ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN

Loại nhiệm vụ KH&CN: *(Đề tài, dự án KH&CN)*

I. Đề xuất đặt hàng "đề nghị thực hiện" *

TT	Tên đề xuất đặt hàng	Kết quả đánh giá của hội đồng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
3			
....	.....		

**) Đề xuất đặt hàng "đề nghị thực hiện" khi có trên ¾ tổng số phiếu đánh giá "Đạt yêu cầu"*

II. Đề xuất đặt hàng đề nghị "không thực hiện"

TT	Tên đề xuất đặt hàng	Tóm tắt lý do đề nghị "không thực hiện"	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
3			
...	.....		

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2 Mẫu A4-BBHĐ

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI, DỰ ÁN ĐẶT HÀNG

(Đã xếp thứ tự ưu tiên)

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
…	……..				

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

**) Ghi chú:*

Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần thể hiện rõ các yêu cầu về:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ và

- Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm

Đối với Dự án SXTN: Các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô Sản xuất thử nghiệm.

Mẫu B1-ĐĐK

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

ĐƠN ĐĂNG KÝ[1]
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Kính gửi: Sở, ngành, địa phương có nhiệm vụ thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp.

Căn cứ thông báo của (Sở, ngành, địa phương) về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 20..., chúng tôi:

a) .....

.....

.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN)

b) .....

.....

.....

(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

.....

.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

[1] Trình bày và in trên khổ giấy A4

.....

Mã số của Chương trình: .....

Hồ sơ gồm có:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và [2]... cá nhân đăng ký thực hiện chính;

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (nếu có);

6. Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

[2] Ghi số người đăng ký ***tham gia chính*** thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Mẫu B2-TMĐTCN

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ[1]

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	**Tên đề tài**	1a	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*
2	**Thời gian thực hiện:** ..... tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20…)	3	**Cấp quản lý** Quốc gia ☐

4	**Tổng kinh phí thực hiện:** ..... **triệu đồng, trong đó:**	
	Nguồn	***Kinh phí*** *(triệu đồng)*
	- Từ Ngân sách nhà nước	
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

5	**Đề nghị phương thức khoán chi:**	
	☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán từng phần, trong đó:
		- Kinh phí khoán: .....triệu đồng - Kinh phí không khoán: .....triệu đồng

6
- ☐ **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), **Mã số:**
- ☐ **Thuộc dự án KH&CN**
- ☐ **Độc lập**
- ☐ **Khác**

7 **Lĩnh vực khoa học**

☐ Tự nhiên; ☐ Nông nghiệp;

☐ Kỹ thuật và công nghệ; ☐ Y, dược.

8 **Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....

[1] Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh khoa học: .....Chức vụ.....

Điện thoại:

Tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

.....

9 Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....

Điện thoại: .....

Tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

.....

10 Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài *(nếu có)*

1. **Tổ chức 1 :** .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

2. **Tổ chức 2 :** .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

12 Cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài[2]	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
....			
....			

[2] Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước ban hành quy định các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13 Mục tiêu của đề tài (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng*)

.....

.....

.....

14 Tình trạng đề tài

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (*Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó*)

Trong nước (*Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó*)

15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu*)

16	**Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan**

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

17	**Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện**

(Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 2: .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 3 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

18	**Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

Tính mới, tính sáng tạo:

.....

19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

20 Phương án hợp tác quốc tế *(nếu có)*

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21 *Phương án thuê chuyên gia* *(nếu có)*

1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

22	Tiến độ thực hiện				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Cá nhân, tổ chức chủ trì***	**Dự kiến kinh phí**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
...	***Nội dung n***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				

** Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 21*

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

23	**Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*					
Dạng I: Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	**Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm**	**Đơn vị đo**	**Mức chất lượng**			**Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra**
			Cần đạt	**Mẫu tương tự** (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	**Thế giới**	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*

23.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

23.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

23.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

23.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....

.....

.....

.....

24 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

24.1 Khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*

.....

.....

.....

24.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

.....

.....

.....

24.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....

.....

.....

24.4 Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....

.....

.....

25 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....

.....

26 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

26.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

26.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

26.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

27 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài *(theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)*

27.1. Phương án trang bị tài sản *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

27.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài *(hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

28	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
			Trong đó				
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trả công lao động trực tiếp+ chuyên gia** (nếu có)	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách nhà nước:						
	a. Kinh phí khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	- Năm thứ ba:						
	b. Kinh phí không khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	- Năm thứ ba:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

……, ngày..... tháng ..... năm 20....

Chủ nhiệm đề tài

(Họ tên và chữ ký)

……, ngày..... tháng ..... năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

……, ngày..... tháng ..... năm 20....

Sở, ngành, địa phương được giao quản lý đề tài[3]

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

[3] *Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4=(6+8+10)*	*5=(7+9+11)*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Trả công lao động**													
2	**Thuê chuyên gia** **- Trong nước** **- Nước ngoài**													
2	**Nguyên,vật liệu, năng lượng**													
3	**Thiết bị, máy móc**													
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**													
5	**Chi khác**													
	Tổng cộng													

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc[1]	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
	Nội dung công việc						Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6xLcs[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Nghiên cứu tổng quan**											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	.....											
2	**Đánh giá thực trạng**											
	2.1. Công việc 1:											
	.....											
.....	.....											
7	***Tổng kết, đánh giá***											
	7.1. Công việc 1:											
	.....											
	Cộng:											

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước phù hợp với *mục 17 của thuyết minh.*
2.Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 12 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 22 của thuyết minh.*
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước

Khoản 1b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệuđồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
.....									
.....									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
.....									
.....									

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba					
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
I	**Nội dung 1**																
I.1	***Công việc 1***																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
1.2	...																
...	...																
2	Năng lượng, nhiên liệu																
2.1	Than																
2.2	Điện	kW/h															
2.3	Xăng, dầu																
2.4	Nhiên liệu khác																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																

3.1	...																
3.2	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
I.2	***Công việc 2***																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
II	**Nội dung 2**																
II.1	***Công việc 1***																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
...	...																
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:
- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài**[5]											
	.....											
	.....											
II	**Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến**											
	.....											
III	**Khấu hao thiết bị**[6]											
VI	**Thuê thiết bị** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
	.....											
IV	**Thiết bị công nghệ mua mới**											
	.....											
V	***Vận chuyển lắp đặt***											
VI	**Bảo dưỡng, sửa chữa**											
Cộng												

[5] *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.*
[6] *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.*

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Chi phí xây dựng ..... m^2 nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa ..... m^2 nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu*** *(định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015) và* Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước												
2	***Hợp tác quốc tế*** *(định mức chi theo quy định hiện hành)*												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	***Kinh phí quản lý*** *(bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 200 triệu đồng)*												
4	***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ***												
	Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức*												

	chi theo quy định hiện hành)												
	Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi theo* Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước*)*												
5	***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu***												
6	***Chi khác***												
	- Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 và* Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước*)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

Mẫu B3-TMĐTXH

THUYẾT MINH[1]
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	**Tên đề tài:**	**1a. Mã số của đề tài:** *(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)*
2	**Loại đề tài:** ☐ **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình), **Mã số:** ☐ **Độc lập** ☐ **Khác**	
3	**Thời gian thực hiện**: .....tháng (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…)	4 **Cấp quản lý** Quốc gia ☐
5	**Kinh phí thực hiện:** Tổng kinh phí: …… *(triệu đồng)*, trong đó: - Từ ngân sách nhà nước: … - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước: …	
6	**Đề nghị phương thức khoán chi:** ☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: ..... *triệu đồng* - Kinh phí không khoán: .....*triệu đồng*
7	**Chủ nhiệm đề tài:** Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học: .....Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức: ..... Mobile:..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:.....	

[1] Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

8	**Thư ký khoa học:**

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....

Học hàm, học vị: .....

Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....

Điện thoại của tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

9	**Tổ chức chủ trì đề tài:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

Cơ quan chủ quản đề tài: .....

10	**Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)*

1. **Tổ chức 1 :** .....

Cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

2. **Tổ chức 2 :** .....

Cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

11	**Cán bộ thực hiện đề tài**

(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài[2]	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

12 Mục tiêu của đề tài: *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

.....

.....

.....

.....

13 Tình trạng đề tài:

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

14 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:

14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

[2] Theo quy định tại bảng 1 Khoản b Mục 1 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

15 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

16 Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 2: .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 3 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

17 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)

- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)

- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)

- .....

18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

.....

19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]

20 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21	**Phương án thuê chuyên gia** *(nếu có)*

1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

22	**Tiến độ thực hiện:**				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)*	**Cá nhân, tổ chức thực hiện***	**Dự kiến kinh phí**
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				
	.....				
	- Công việc n				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	.....				
	- Công việc n				
n	***Nội dung n***				
	- Công việc 1				
	.....				
	- Công việc n				

** Chi ghi những tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21.*

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

23 Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: *(liệt kê theo dạng sản phẩm)*

23.1 Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm *(ghi rõ tên từng sản phẩm)*	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú

23.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm *(ghi rõ tên từng sản phẩm)*	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố *(Tạp chí, Nhà xuất bản)*	Ghi chú

24 Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

24.1 Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....

.....

.....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....

.....

.....

24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....

.....

.....

25 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài *(theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)*

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4=(6+8+10)*	*5=(7+9+11)*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Trả công lao động**													
2	**Thuê chuyên gia** **- Trong nước** **- Nước ngoài**													
2	**Nguyên,vật liệu, năng lượng**													
3	**Thiết bị, máy móc**													
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**													
5	**Chi khác**													
	Tổng cộng													

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc[1]	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
	Nội dung công việc						Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6xLcs[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Nghiên cứu tổng quan**											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	.....											
2	**Đánh giá thực trạng**											
	2.1. Công việc 1:											
	.....											
.....	.....											
7	***Tổng kết, đánh giá***											
	7.1. Công việc 1:											
	.....											
	Cộng:											

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh* và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
2.Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 10 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 21 của thuyết minh.*
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
4. Hstcn được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
5. Snc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

Khoản 1b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệuđồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
.....									
.....									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
.....									
.....									

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba					
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
I	**Nội dung 1**																
I.1	***Công việc 1***																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	…																
1.2	…																
…	…																
2	Năng lượng, nhiên liệu																
2.1	Than																
2.2	Điện	kW/h															
2.3	Xăng, dầu																
2.4	Nhiên liệu khác																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																

3.1	...																
3.2	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
I.2	*Công việc 2*																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
II	**Nội dung 2**																
II.1	*Công việc 1*																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m^3															
...	...																
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài**[1]											
	.....											
	.....											
II	**Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến**											
	.....											
III	**Khấu hao thiết bị**[2]											
VI	**Thuê thiết bị** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
	.....											
IV	**Thiết bị công nghệ mua mới**											
	.....											
V	***Vận chuyển lắp đặt***											
VI	**Bảo dưỡng, sữa chữa**											
Cộng												

[1] *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.*
[2] *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.*

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Chi phí xây dựng ..... m^2 nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa ..... m^2 nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu*** *(định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015) và* Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước												
2	***Hợp tác quốc tế*** *(định mức chi theo quy định hiện hành)*												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	***Kinh phí quản lý*** *(bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 200 triệu đồng)*												

4	***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ***												
	Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước).*												
5	***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu***												
6	***Chi khác***												
	- Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

Mẫu B4-TMDA

THUYẾT MINH[1]
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên dự án**	1a	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:
2	**Thời gian thực hiện: ..... tháng** (Từ tháng ...../20.... đến tháng ...../20....)	3	**Cấp quản lý** Quốc gia ☐

4 ☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có)
☐ **Thuộc dự án KH&CN**
☐ **Dự án độc lập**
☐ **Khác**

5 **Tổng vốn thực hiện dự án: ..... triệu đồng, trong đó:**

Nguồn	Kinh phí *(triệu đồng)*	
- Từ Ngân sách nhà nước		
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước		

6 **Đề nghị phương thức khoán chi:**
☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ Khoán từng phần, trong đó:
- Kinh phí khoán: .....triệu đồng
- Kinh phí không khoán:.....triệu đồng

7 **Chủ nhiệm dự án**
Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn: .....
Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....
Điện thoại: Tổ chức: ..... Mobile: .....
Fax: ..... E-mail: .....
Tên tổ chức đang công tác: .....
Địa chỉ tổ chức: .....

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

8 Thư ký khoa học

Họ và tên:.....

Năm sinh: .... Giới tính: Nam ☐ / Nữ ☐

Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh khoa học: .....

Chức vụ: .....

Điện thoại: Tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

9 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì dự án:

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản dự án: .....

10 Tổ chức tham gia chính

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: .....

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện dự án[2]	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
...			
...			
...			

12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);*

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

.....

.....

[2] Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhõn tỉnh Bõnh Phước.

.....

13	Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án *(Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).*

.....

.....

.....

.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.4. Năng lực thực hiện dự án *(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).*

.....

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14 Mục tiêu

14.1 Mục tiêu của dự án *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

.....

.....

.....

14.2 Mục tiêu của dự án *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

.....

.....

.....

15 Nội dung

15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án);*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.3 Liệt kê và mô chi tiết những công việc của từng nội dung để giải quyết những vấn đề đặt ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 16.1

Nội dung 1 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 2: .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

Nội dung 3 : .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

15.4 Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ thực hiện dự án

(Kê khai số lượng và thời gian đào tạo cho cán bộ, công nhân kỹ thuật dự kiến)

.....

.....

.....

.....

.....

16 Phương án triển khai

16.1.Phương án thuê chuyên gia

a) Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

b) Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

16.2. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án *(theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)*

16.2.1. Phương án trang bị tài sản *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì dự án *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

16.2.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án *(hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

.....

.....

16.3 Phương án tổ chức sản xuất:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh

nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

16.4. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)* trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án;

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

.....

.....

.....

.....

.....

16.5. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....

.....

.....

.....

17	**Sản phẩm của dự án**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii)Ấn phẩm; (iv)Đào tạo cán bộ; (v)Sản phẩm sản xuất (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

.....

.....

.....

.....

18	**Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc**

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

.....

.....

.....

.....

18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất.

.....

.....

.....

.....

.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

*** Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ + thuê chuyên gia	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách nhà nước:*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai:								

	- Năm thứ ba:								
2	***Nguồn ngoài ngân sách nhà nước*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	**Tổng số chi phí** *(1.000 đ)*	**Trong đó theo sản phẩm**			**Ghi chú**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú: *- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến *(1.000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá *(1.000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích :

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;
- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

Thời gian thu hồi vốn T = $\frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}}$ = —— = ... **năm**

Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}}$ x 100 = —— x 100 = ... **%;**

Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}}$ x 100 = —— x 100 = ... **%;**

19	**Hiệu quả kinh tế - xã hội**

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....

.....

.....

.....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án

(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

Sở, ngành, địa phương được giao quản lý dự án[2]

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

[2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

Phụ lục-TMDA

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê													
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê													
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ													
a	Chi phí công lao động trực tiếp													
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài													
4	Chi phí đào tạo công nghệ													
5	Chi phí lao động													
6	Nguyên vật liệu, năng lượng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng													

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

Phụ lục 1-TMDA

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu																
2	Nguyên, vật liệu phụ																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
4	Điện :	*kW/h*															

	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																
5	Nước:	m^3															
6	Xăng dầu:	*lít*															
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																
				Cộng:													

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:
- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Phụ lục 2-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1	**Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án**				
	.....				
	.....				
2	**Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến**				
	.....				
	.....				
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1	**Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án**				
	.....				
	.....				
2	**Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến**				
	.....				
III	**Khấu hao thiết bị**				
Cộng:					

Phụ lục 2b-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị bổ sung mới, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Mua thiết bị công nghệ												
	.....												
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường												
	.....												
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền												
4	Mua phần mềm máy tính												
5	Vận chuyển lắp đặt												
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)												
7	Bảo dưỡng, sửa chữa												
Cộng:													

Phụ lục 3-TMDA

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Khoản 3a. Công lao động trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Kinh phí (triệu đồng)		
				Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án					
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học					
3	Thành viên					
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
Cộng:						

CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc[1]	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
	Nội dung công việc						Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6xLcs[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Nghiên cứu tổng quan**											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	……..											
2	**Đánh giá thực trạng**											
	2.1. Công việc 1:											
	……											
…..	……											
7	***Tổng kết, đánh giá***											
	7.1. Công việc 1:											
	……											
	Cộng:											

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh*

2.Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 11 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục ... của thuyết minh.*

3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước .

Khoản 3b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 16 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
.....									
.....									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
.....									
.....									

Phụ lục 4-TMDA

CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung đào tạo	Chi phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Cán bộ công nghệ									
2	Công nhân vận hành									
3	.....									
	Cộng									

Phụ lục 5-TMDA

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A.Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
	Cộng A:				

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Xây dựng nhà xưởng mới									
2	Chi phí sửa chữa cải tạo									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện									
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước									
5	Chi phí khác									
	Cộng B:									

Phụ lục 6-TMDA

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Tổng số ngày công quy đổi (Snc)	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6= 4x5xLcs*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chủ nhiệm dự án												
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học												
3	Thành viên												
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ												
Cộng:													

* *Các hệ số Hstcn, Snc được xác định theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7* Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; *Lcs lương cơ sở do Nhà nước quy định và* và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước.

Phụ lục 7-TMDA

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu*** *(định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước)*												
2	***Hợp tác quốc tế*** *(định mức chi theo quy định hiện hành)*												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	***Kinh phí quản lý*** *(bằng 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 200 triệu đồng)*												

4	***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ***												
	Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Chi phí Hội *đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả dự án (nếu có); (mức chi theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước)*												
5	***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu***												
6	***Chi khác***												
	- Hội thảo *(định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh Bình Phước)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

Phụ lục 8-TMDA

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

Phụ lục 9-TMDA

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Mẫu B5-LLCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN[1]

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐
ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ[2]: ☐

1. Họ và tên:	
2. Năm sinh:	**3.** Nam/Nữ:
4. Học hàm: Học vị:	Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị:
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:	
6. Điện thoại: Tổ chức:	Mobile: .....
7. Fax:	E-mail:
8. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm: Tên tổ chức : Tên người Lãnh đạo: Điện thoại người Lãnh đạo: Địa chỉ tổ chức:	

9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

[1] Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.
[2] Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản thuyết minh đề tài KHXH hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án KHCN cơ sở tương ứng.

10. Quá trình công tác

Thời gian (*Từ năm ... đến năm...*)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức

11. Các công trình công bố chủ yếu
(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (*bài báo, công trình...*)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (*tên tạp chí đã đăng công trình*)	Năm công bố

12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn
(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (*bắt đầu - kết thúc*)

14. Các đề tài/dự án khác đã chủ trì hoặc tham gia
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài, dự án,nhiệm vụ khác đã chủ trì	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án,nhiệm vụ khác đã tham gia	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

15. Giải thưởng
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN[3] *(Xác nhận và đóng dấu)*	CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN *(Họ, tên và chữ ký)*
Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà .... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài/đề án, dự án	

[3] Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

Mẫu B6-LLTC

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN[1]
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Website:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Tổng số*
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp*
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ

[1] Trình bày và in trên khổ giấy A4.

KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây *(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)*
6. ***Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:*** - Nhà xưởng: - Trang thiết bị chủ yếu:
7. ***Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ*** **KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:** • Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng *(văn bản chứng minh kèm theo)*

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

Mẫu B7-PHNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[1] NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Kính gửi: ..... *(tên Sở, ngành, địa phương)*

1. Tên đề tài, dự án khoa học và công nghệ cơ sở đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....
.....
.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án khoa học và công nghệ cơ sở

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/dự án

.....
.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài/dự án

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/dự án

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/dự án

.....

Địa chỉ .....

Điện thoại .....

[1] Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài/dự án (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài/dự án của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Bộ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài/dự án.

....., ngày ....tháng .... năm 20.....

CÁ NHÂN **ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM** *(Họ, tên và chữ ký)*	**THỦ TRƯỞNG** **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ** *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu B8-BBHS

TÊN.....
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....

.....

.....

2. Địa điểm và thời gian

....., ngày ...../..... /20...

3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

TT	*Tên cơ quan, tổ chức*	*Họ và tên đại biểu*

4. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: ..... hồ sơ.
- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: ..../.... (tổng số hồ sơ đăng ký).
- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

TT	*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp*	*Tình trạng Hồ sơ*							
		Nộp đúng hạn[1]	*Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký*[2]	*Tổ chức có con dấu, tài khoản*	*Có nhiệm vụ cấp cơ sở*[4]				
					Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu)[3]	*Nợ thu hồi nhiệm vụ KH&CN*[5]	*Bị đình chỉ do sai phạm*	*Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu muộn*	*Không đăng ký, nộp lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*

Kết luận: Như vậy, trong số .....hồ sơ đăng ký, có ..... hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN*	*Ghi chú*
(1)	*(2)*	*(3)*
1		
2		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào .....h.....phút, ngày ..../...../20....

ĐẠI DIỆN **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ** *(Họ, tên và chữ ký)*	**ĐẠI DIỆN** **BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG** *(Họ, tên và chữ ký)*

[1] *Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;*
[2] *Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 7 của Quy định này;*
[3,5] *Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;*
[4] *Nhiệm vụ cấp cơ sở gồm: đề tài, dự án khoa học và công nghệ cơ sở*

Mẫu B9-NXĐTCN

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Nhóm tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu *[Mục 15, 16]*					
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu					
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:					
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*					
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng					
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra					
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:					
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 23]*					
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)					
- Đào đạo sau đại học					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:					

3.4. Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm *[Mục 24,25, 26]*	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan/tổ chức ứng dụng.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:	
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện *[Mục 19,20, 21, 22, 27, phần V và giải trình các khoản chi của dự toán]*	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và định mức các khoản chi theo quy định hiện hành.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:	
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia *[Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*	
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:
4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Nhận xét về nhân lực thực hiện (***chỉ dùng cho ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau***)

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Ngày ……. tháng ….. năm 20….

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Bảng 1

Nội dung công việc	Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì											Ý kiến của ủy viên phản biện	
	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
Nội dung công việc 1: ……..	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung công việc 2: ……..													
……													
Nội dung công việc n: ……..													
Tổng													

Mẫu B10-NXĐTXH

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ
(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu *[Mục 14 và15]*					
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.					
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:					
3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu *[Mục 16, 17]*					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu					
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:					
3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 18]*					
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu					
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu					
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:					

3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện *[Mục 19, 20, 21, 22, 25, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]*					
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án thiết bị	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và phù hợp với định mức các khoản chi theo quy định hiện hành	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:					
3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu *[Mục 23, 24]*					
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan (tổ chức) ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:					
3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia *[Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*					
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	☐	☐	☐	☐	☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:					
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐	☐	☐	☐	☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Nhận xét về nhân lực thực hiện (***chỉ dùng cho ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau***)

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20....

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Bảng 1

Nội dung công việc	Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì											Ý kiến của ủy viên phản biện	
	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
Nội dung công việc 1: ……..	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung công việc 2: ……..													
……													
Nội dung công việc n: ……..													
Tổng													

……

……

……

……

……

……

Ngày …… tháng ….. năm 20….

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Bảng 1

Nội dung công việc	Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì											Ý kiến của ủy viên phản biện	
	Chủ nhiệm dự án	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
Nội dung công việc 1:	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung công việc 2:													
.....													
Nội dung công việc n:													
Tổng													

Mẫu B12-ĐGĐTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Đánh giá

Nhóm tiêu chí đánh giá	***Chuyên gia đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	**∑**	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu *[Mục 15, 16]*									
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			12
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*									
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 23]*									
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	☐	☐	☐	☐	☐	3			16
- Khả thi về đào đạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐	1			

3.4. Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm *[Mục 24,25, 26]*					
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐☐☐☐☐	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng (tên, địa chỉ).	☐☐☐☐☐	3			
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện *[Mục 19, 20, 21, 22, 27, phần V và giải trình các khoản chi của dự toán]*					
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	☐☐☐☐☐	2			16
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và định mức các khoản chi theo quy định hiện hành.	☐☐☐☐☐	2			
3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia *[Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*					
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	☐☐☐☐☐	2			16
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐☐☐☐☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: ***Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***
4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài

☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

☐ ☐

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng *1.2 Khoán từng phần*

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điểm h Khoản 4 Điều 8 của Quy định này).

Nhận xét, kiến nghị:

……

……

……

……

……

……

Ngày ..... tháng ..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Mẫu B13-ĐGĐTXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	*Chuyên gia đánh giá* 4	3	2	1	0	Hệ số	*Điểm*	Σ	*Điểm tối đa*
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu *[Mục 14 và15]*									12
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu *[Mục 16, 17]*									12
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 18]*									12
- Cách tiếp cận đề tài/đề án với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện *[Mục 19, 20, 21, 22, 25, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]*									20
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và phù hợp với định mức các khoản chi theo quy định hiện hành	☐	☐	☐	☐	☐	3			

3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu *[Mục 23, 24]*					
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	☐☐☐☐☐	2			24
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐☐☐☐☐	2			
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan tổ chức/ứng dụng	☐☐☐☐☐	2			
3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia *[Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*					
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	☐☐☐☐☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	☐☐☐☐☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: ***Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***
4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài

☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điểm h Khoản 4 Điều 8 của Quy định này).

Nhận xét, kiến nghị:

Ngày ..... tháng ..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Mẫu B14-ĐGDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên gia đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	$\sum$	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án *[Mục 12, 13]*									8
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.2. Nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]*									24
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện .	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	3			
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ *[Mục 13, 17]*									12
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐	2			

3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án *[Mục 13.3, 13.5, 18 và phụ lục 9]*					16
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
3.5. Phương án tài chính *[Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]*					24
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
3.6. Năng lực thực hiện *[Mục 11, 13.4, 16 và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*					16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐				**100**

Ghi chú: ***Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***
4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

3.7. Đánh giá về nhân lực thực hiện dự án

☐ Nhân lực thực hiện dự án do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện dự án do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điểm h Khoản 4 Điều 8 của Quy định này).

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Mẫu B15-KPDG

..... **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *……, ngày tháng năm 20...*

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: *Tên tổ chức:* *Họ và tên cá nhân:*	

1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá						Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	
1	Ủy viên thứ nhất							
2	Ủy viên thứ hai							
3	Ủy viên thứ ba							
4	.....							
5								
6								
7								
8								
9								
	Tổng số điểm trung bình							

TT	Ủy viên	Nhân lực thực hiện nhiệm vụ		Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Hợp lý	Không hợp lý	Phù hợp	Không phù hợp
1	Chủ tịch				
2	Phó Chủ tịch				
3	Ủy viên phản biện 1				
4	Ủy viên phản biện 2				
5	Ủy viên				
6	.....				

7					
8					
9					
....	.....				

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu B16-THKP

..... HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên nhiệm vụ:

.....

.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	Nhân lực thực hiện nhiệm vụ
1			Số....phù hợp/.....Không phù hợp (trong đó có .... ủy viên phản biện đánh giá phù hợp)	số....hợp lý/.....Không hợp lý (trong đó có .... ủy viên phản biện đánh giá hợp lý)
2				
...	.....	.....		

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1 *(Họ, tên và chữ ký)*	**Thành viên thứ 2** *(Họ, tên và chữ ký)*	**Trưởng ban kiểm phiếu** *(Họ, tên và chữ ký)*

Mẫu B17-BBHĐ

..... **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *....., ngày tháng năm 20...*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/dự án:

.....

.....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-... ngày ...../...../20... của .....

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày ...../..... /20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên ...../.....người. Vắng mặt ..... người, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

TT	*Họ và tên*	*Đơn vị công tác*

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ..... là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng *(ghi chép của thư ký khoa học):*

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

(chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng trong tài liệu kèm theo)

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....
  .....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định Điểm h Khoản 4 Điều 8 của Quyết định này, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức: .....

Họ và tên cá nhân: .....

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoán chi từng phần ☐

2. Kiến nghị về nhân lực thực hiện nhiệm vụ:

☐ Nhân lực thực hiện nhiệm vụ do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện nhiệm vụ do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **chưa hợp lý**. Kiến nghị điều chỉnh công lao động trực tiếp theo các chức danh:

STT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi
1	Chủ nhiệm đề tài		
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		

3	Thành viên		
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		

3. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

4. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

.....

.....

.....

.....

5. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

Hội đồng đề nghị Bộ ..... xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC *(Họ, tên và chữ ký)*	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** *(Họ, tên và chữ ký)*

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THƯ KÝ KHOA HỌC
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu C1-CV

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....	*....., ngày tháng năm 20...*
V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	

Kính gửi: Sở, ngành, địa phương

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Quyết định số .../2018/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

..... (*Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*) đề nghị ..... (*Sở, ngành, địa phương*) xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ: .....

Hợp đồng số: .....

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ: .....

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp quốc gia, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

3. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

4. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

5. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

6. Các tài liệu khác (*nếu có*).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ *(bản gốc)* đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang *(dạng PDF, không cài đặt bảo mật).*

Đề nghị ..... *(Sở, ngành, địa phương)* xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu C2-BCTĐG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ
(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 cuả Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

.....

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*
- Khác *(ghi cụ thể)*:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1			
2			
...			

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1										
2										
....	....									

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

3.2. Hiệu quả xã hội

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu √ vào ô tương ứng)*:

- *Nộp hồ sơ đúng hạn* ☐
- *Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* ☐
- *Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* ☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- *Xuất sắc* ☐
- *Đạt* ☐
- *Không đạt* ☐

Giải thích lý do:.....

.....

.....

.....

.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ (*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*)	**THỦ TRƯỞNG** **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)

Mẫu C3-BCHT

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201....

BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: *ngày ... /.... /201...*

Kết thúc: *ngày ... /.... /201....*

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng cấp cơ sở:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở)*

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ (nếu có):

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
CƠ QUAN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu C4-QĐCN

TÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-....	*Bình Phước, ngày tháng năm ....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

(Thực hiện theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số / /.... ngày tháng năm 20 của .... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .....;

Căn cứ Quyết định số ..../2018/QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thành lập kèm theo Quyết định số /QĐ- ngày tháng năm 201... của .....;

Xét đề nghị của (Trưởng phòng theo dõi khoa học và công nghệ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia "……..", mã số .....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

Xếp loại:

Điều 2. *(Đối với nhiệm vụ "đạt" trở lên)* Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

(Đối với nhiệm vụ "đạt" nhưng nộp hồ sơ chậm từ 30 ngày đến 06 tháng) Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các

quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn ....[1] năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn ....[2] năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

(Đối với nhiệm vụ "không đạt") Đơn vị quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn ....[3] năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn ....[4] năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

....., Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Sở KH&CN;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

[1, 2, 3, 4] Thời gian bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước.